

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 11 - 2019

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sanh

2. Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 06 năm 2019 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị Mỹ L** – Sinh năm: 1979 – Nơi ĐKKHKT: Số 336 đường Nguyễn K, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* **Bị đơn:** Ông **Trương Cung T** – Sinh năm: 1975 – Nơi ĐKKHKT: Số 46 đường Hồ Tông T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/05/2019, bản khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L trình bày:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Trương Cung T đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại Ủy ban Nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại số 46 đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên cãi vã nhau, ông T không có trách nhiệm gì trong gia đình, mọi việc trong nhà đều do bà L lo toan từ con cái đến tài chính, gia đình nhà chồng xem thường, chửi bới, nay bà thấy quá mệt mỏi và không còn yêu thương gì ông T nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Cung T.

** Về con chung:* Vợ chồng bà có hai con chung tên Trương Nhật Hoàng Q – Sinh ngày: 13/01/2013 và Trương Hoàng N – Sinh ngày: 25/01/2018.

Theo đơn khởi kiện ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Nhật Hoàng Q cho đến tuổi thành niên và giao con chung tên Trương Hoàng N cho ông Trương C Tiến trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Hoàng N cho đến tuổi thành niên và giao con chung tên Trương Nhật Hoàng Q cho ông Trương Cung T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Bà yêu cầu ông Trương Công T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 42 tháng tuổi .

** Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Đỗ Thị Mỹ L cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ ông bà, nên không đề cập giải quyết.

Tại bản khai ngày 20/5/2019 ông Trương Cung T trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Ông thừa nhận vợ chồng ông có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại Ủy ban Nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống ông cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bà Loan đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

** Về con chung:* Ông thừa nhận vợ chồng có hai con chung tên Trương Nhật Hoàng Q – Sinh ngày: 13/01/2013 và Trương Hoàng N – Sinh ngày: 25/01/2018 nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Trương Cung T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ, nên không đề cập giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo hòa giải cho ông Trương Cung T để tham gia hòa giải nhưng ông T không có văn bản phản hồi đồng thời đều vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần thứ hai ông Trương Cung T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện về việc “ Ly hôn, nuôi con chung ” của bà Đỗ Thị Mỹ Loan thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho ông Trương Cung Tiến nhưng ông Tiến vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Cung Tiến.

[II] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị Mỹ Loan về việc đề nghị được ly hôn với ông Trương Cung Tiến HĐXX thấy

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ Loan và ông Trương Cung Tiến có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2011 tại Ủy ban Nhân dân phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Loan đối với ông Tiến, HĐXX thấy sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, về kinh tế gia đình một mình bà Loan lo toan. Thêm vào đó mâu thuẫn giữa gia đình ông Tiến với bà Loan làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày trầm trọng hơn, đến nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Loan không còn yêu thương gì ông Tiến nữa. Do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Tiến càng sớm càng tốt.

Về phía ông Tiến Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án cũng như triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng ông Tiến vắng mặt không lý do, và cũng không có văn bản phản hồi, chứng tỏ ông không muốn khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn của bà Loan và ông Tiến địa phương không nắm được.

Do vậy HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Mỹ Loan đối với ông Trương Cung Tiến là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị Mỹ Loan và ông Trương Cung Tiến có hai con chung tên Trương Nhật Hoàng Quân – Sinh ngày: 13/01/2013 và Trương Hoàng Nam – Sinh ngày: 25/01/2018.

Xét yêu cầu của bà Loan được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Hoàng Nam cho đến tuổi thành niên và giao con chung tên Trương Nhật Hoàng Quân cho ông Trương Cung Tiến trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên và yêu cầu ông Tiến cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nam đủ 42 tháng tuổi.

HĐXX thấy mặc dù hiện nay hai con chung đang ở với bà Loan, cháu Trương Hoàng Nam còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, bà Loan không có chỗ ở ổn định, chưa có việc làm, thu nhập không cao, việc yêu cầu ông

Tiến cấp dưỡng tiền nuôi con với thời gian không dài. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, HĐXX thấy cần giao cháu Trương Hoàng Nam cho bà Đỗ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên và giao con chung Trương Nhật Hoàng N cho ông Trương Cung T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông Trương Cung T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nam đủ 42 tháng tuổi là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đỗ Thị Mỹ L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Theo Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đỗ Thị Mỹ L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng ông Trương Cung T phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn của bà Đỗ Thị Mỹ L đối với ông Trương Cung T

Xử cho bà Đỗ Thị Mỹ L ly hôn với ông Trương Cung T

- *Về quan hệ con chung*: Đề nghị giao cháu Trương Hoàng N cho bà Đỗ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên và giao con chung Trương Nhật Hoàng N cho ông Trương Cung T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông Trương Cung T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 42 tháng tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đỗ Thị Mỹ L xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Đỗ Thị Mỹ L đối với ông Trương Cung T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Đỗ Thị Mỹ Loan được ly hôn với ông Trương Cung Tiến.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Trương Hoàng N – Sinh ngày: 25/01/2018 cho bà Đỗ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, giao con chung tên Trương Nhật Hoàng Q – Sinh ngày: 13/01/2013 cho ông Trương Cung T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Ông Trương Cung T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nam đủ 42 tháng tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đỗ Thị Mỹ L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007155 ngày 31/05/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án phí cấp dưỡng ông Trương Cung T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự

TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân

quận Hải Châu, tp Đà Nẵng

- Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Bắc,
Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba